TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CR** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNST.
Ngày: 12/01/2023.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà **Võ Thị Nhu** – kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HN ngày ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1989. (Có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Số 255, ấp Bình T, xã Vĩnh Phú T, huyện Phước L, tỉnh BL.

Địa chỉ liên lạc: 255, ấp Bình T, xã Vĩnh Phú T, huyện Phước L, tỉnh BL.

Bị đơn: Ông **Phạm Huỳnh Thanh V**, sinh năm: 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 17A, khu vực Thạnh L, phường Phú T, quận CR, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2022 và bản tự khai ngày 18/11/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Phạm Huỳnh Thanh V quen biết nhau là do mai mối và sau thời gian tìm hiểu được khoảng 01 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT vào ngày 05/5/2012, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, từ đó tình cảm vợ chồng cũng dần dần phai nhạt nên

vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà nhận thấy đã không còn tình cảm với ông Phạm Huỳnh Thanh V nên xin được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Phạm Thiên P (nam), sinh ngày 15/02/2013. Bà xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Do trước đây bà có yêu cầu ông V cấp dưỡng nhưng ông V không đồng ý nên không chấp nhận cho bà được nuôi con chung. Nay bà vẫn giữ yêu cầu được nuôi con chung vì cháu P hiện đang chung sống với bà và bà cũng không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng chi phí nuôi con nữa.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 27/7/2022 tại Trung tâm hòa giải đã tiến hành hòa giải và lấy ý kiến của bị đơn – ông Phạm Huỳnh Thanh V trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông đã sống chung với bà Nguyễn Thị T vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT vào ngày 05/5/2012. Hôn nhân là do mai mối, vợ chồng đã sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T vay mượn nợ nhiều nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi và bất đồng về quan điểm sống nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tuy nhiên, ông vẫn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Phạm Thiên P (nam), sinh ngày 15/02/2013. Ông không đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng nên ông cũng không đồng ý cấp dưỡng chi phí nuôi con chung theo yêu cầu của bà T.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên, từ khi vụ án được thụ lý cho đến giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do không thể tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

* Phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và

nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Xét quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau năm vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2012, quyển số 01 ngày 05/5/2012 tại UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Tuy nhiên, tại Trung tâm hòa giải thì ông V có ý kiến là không đồng ý ly hôn nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không đến tham dự phiên họp để trình bày ý kiến, như vậy chứng tỏ bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cở sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét *yêu cầu của nguyên đơn về con chung*: Nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thiên P (nam), sinh ngày 15/02/2013 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Xét thấy, bà T có đủ điều kiện nuôi con chung và hiện cháu P cũng đang chung sống với bà T, đồng thời cháu P cũng có nguyện vọng được chung sống với bà T nên để không thay đổi môi trường sống của cháu P thì cần thiết phải giao con cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tuy bị đơn không đồng ý để bà T được nuôi con chung nhưng từ khi thụ lý đến nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không đến để trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bị đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã gửi văn bản tại địa phương nơi cư trú của bị đơn để xác minh về điều kiện nuôi con do có tranh chấp về việc nuôi con nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí

để giải quyết các vấn đề còn đang tranh chấp. Do đó, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008715 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Huỳnh Thanh V.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Thiên P (nam), sinh ngày 15/02/2013 cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008715 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Xuân

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA